



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xe khách Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	17,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.7%	-7.5%	38.7%

DT thuần Q3/25
110
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.00 -4.9%
YoY: ▼39.0 -26.0%

LN thuần Q3/25
1.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.86 -75.5%
YoY: ▼6.20 -76.5%

LN sau thuế Q3/25
2.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.09 -72.1%
YoY: ▼5.86 -71.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.1%
YoY: +/-▼ 5.1%

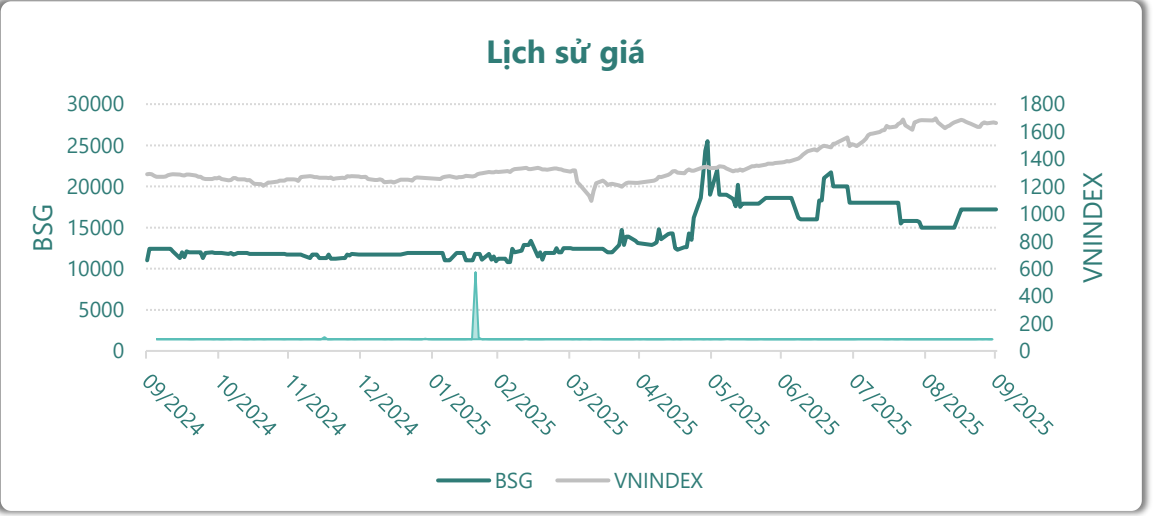
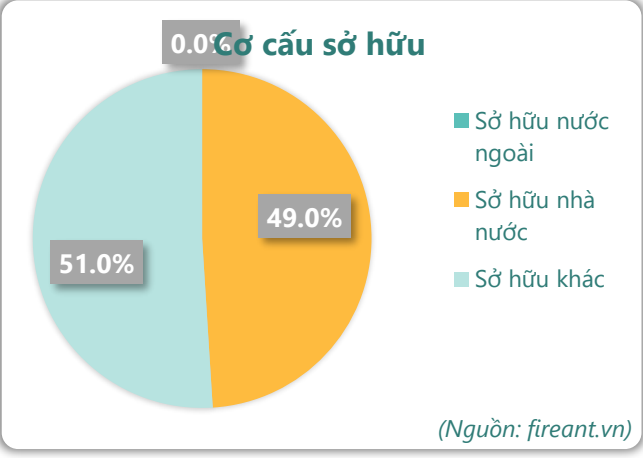
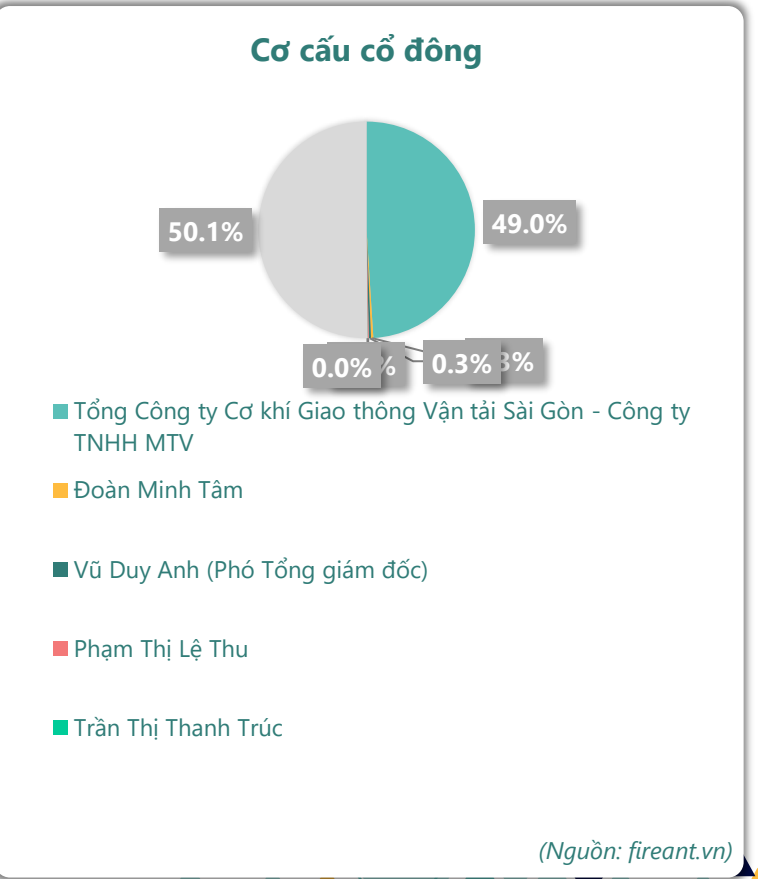
ROE (TTM) Q3/25
7.0%
YoY: +/-▼ 1.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 25,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,032
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.04
EPS	438
P/E	39.3

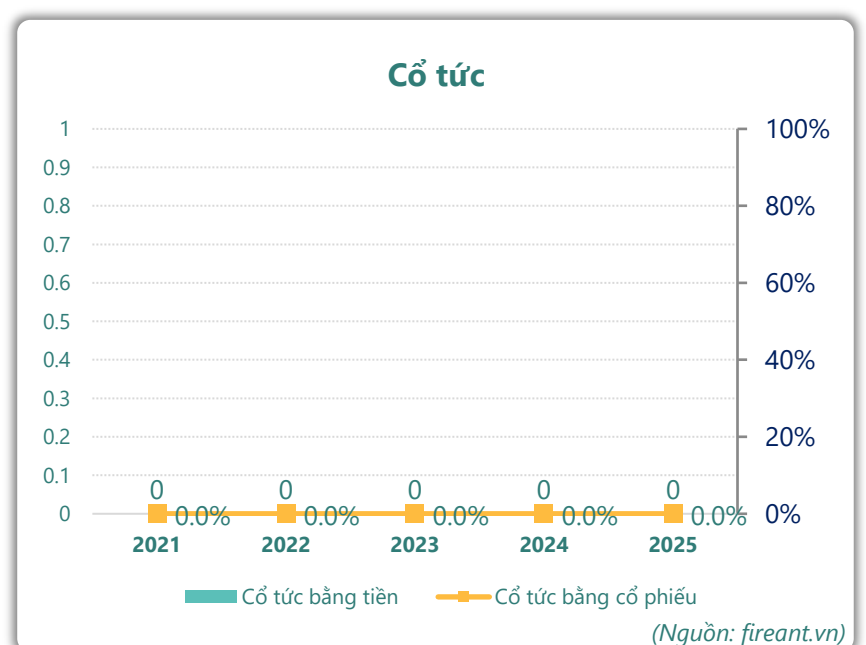
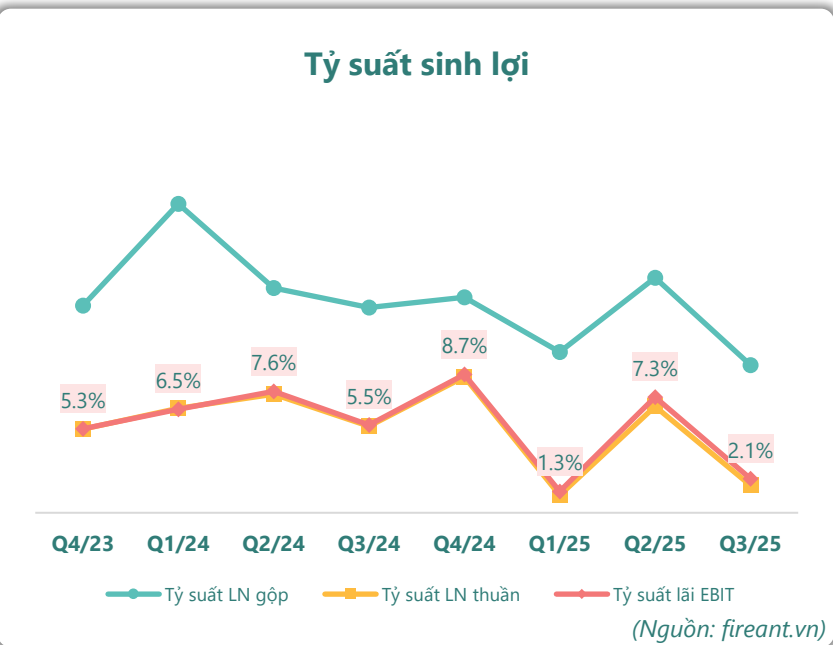
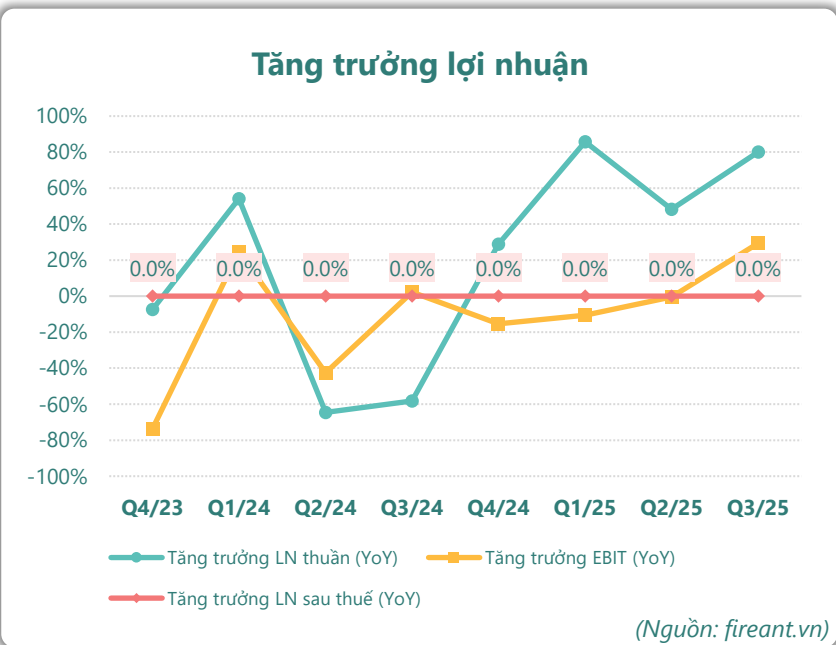
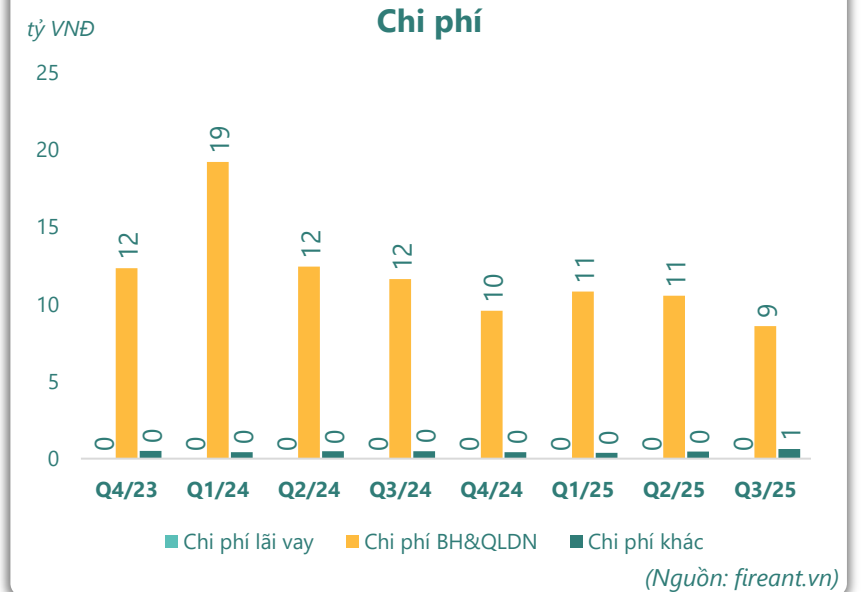
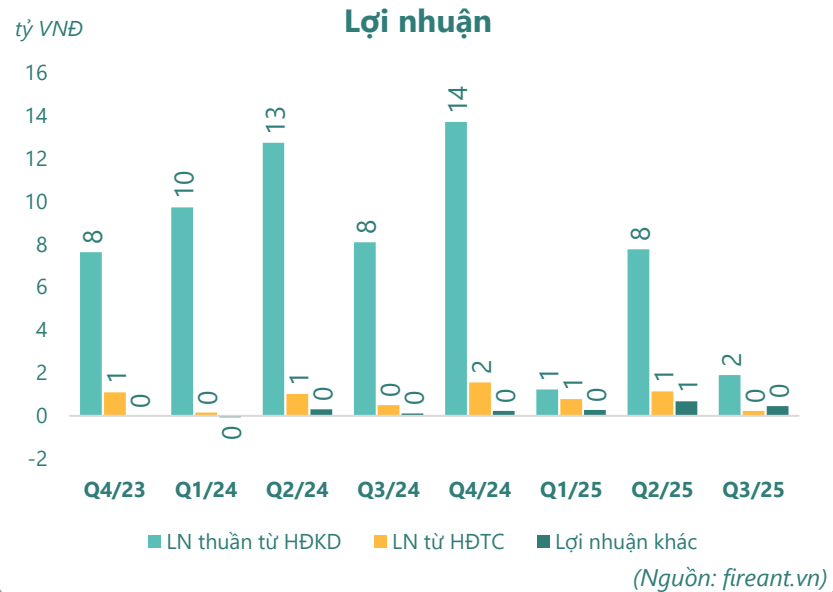
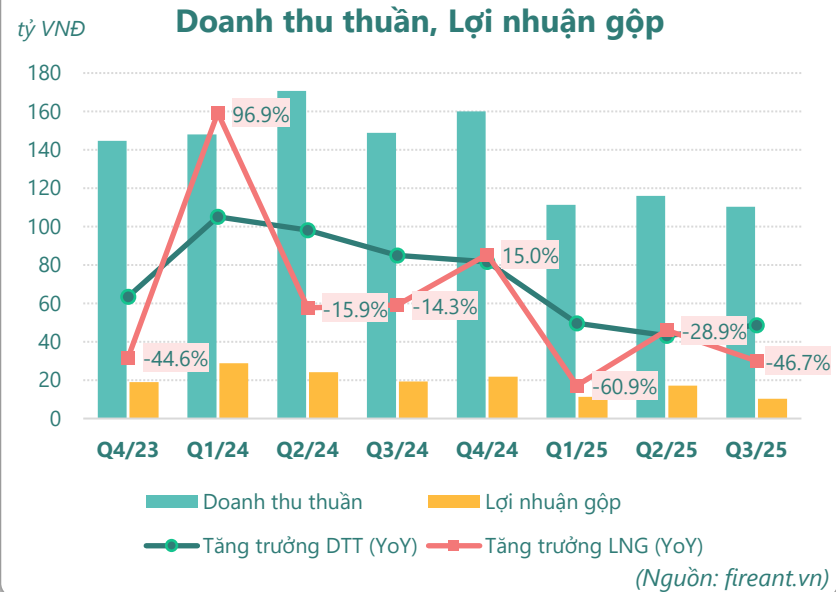
DT thuần 9T 2025
338
tỷ VNĐ
YoY: ▼129 -27.8%

LN thuần 9T 2025
10.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.7 -64.3%

LN sau thuế 9T 2025
12.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.6 -60.2%



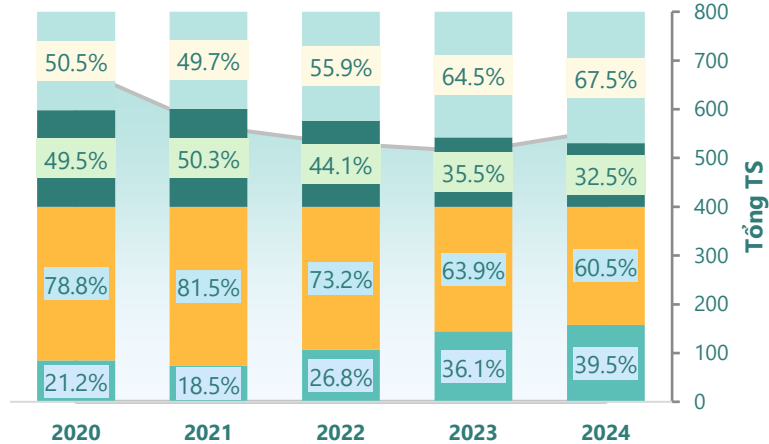
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

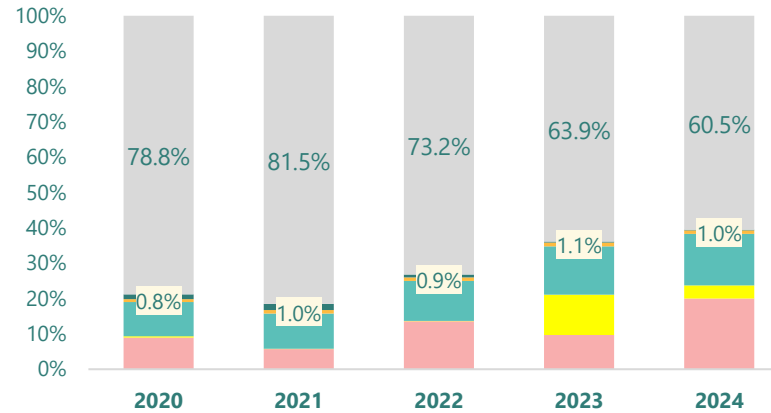
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

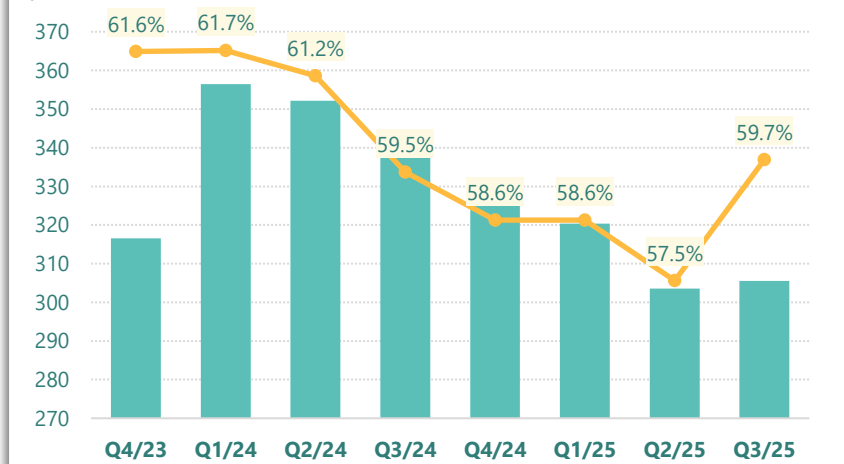


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

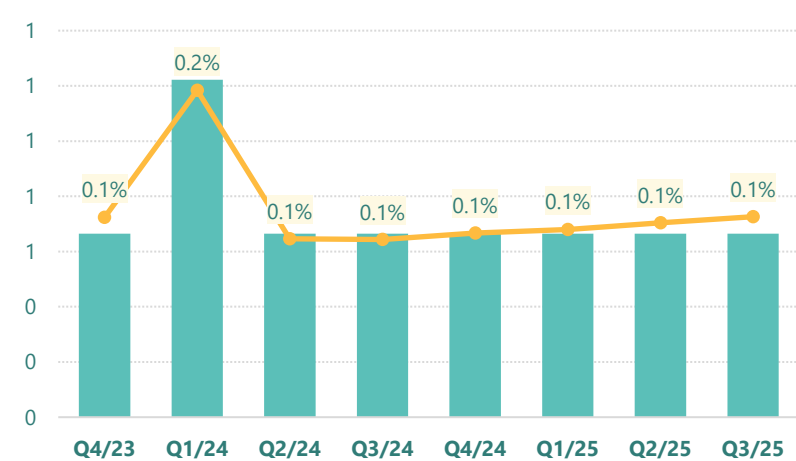


■ Tài sản cố định ■ TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

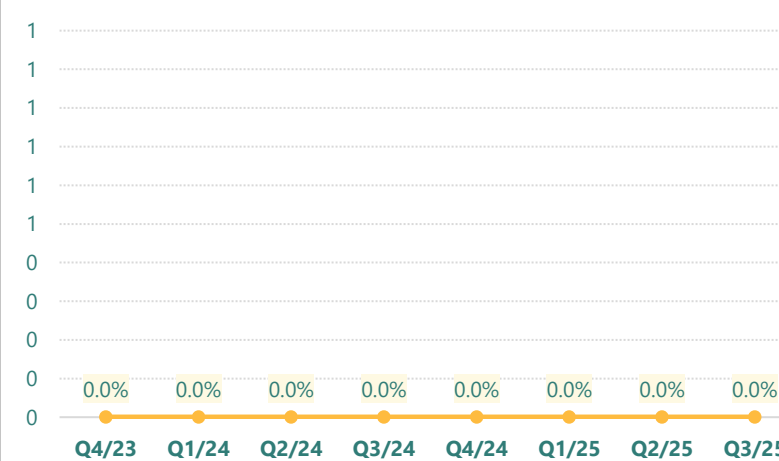


■ Tài sản dở dang ■ TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

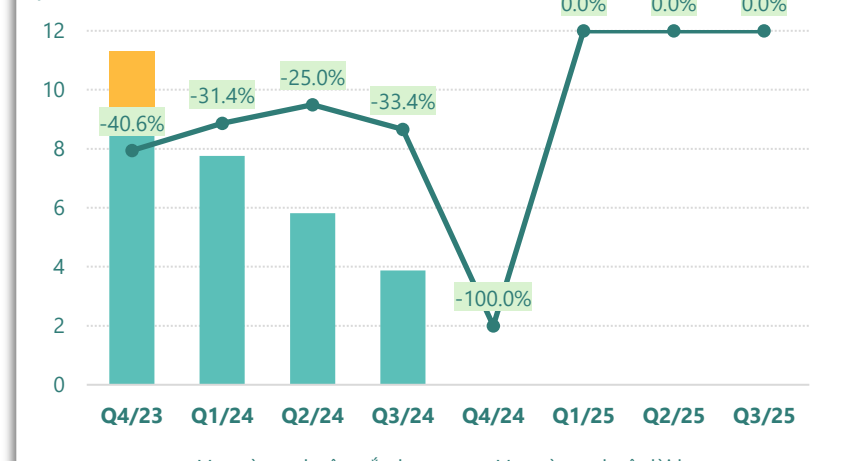


■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

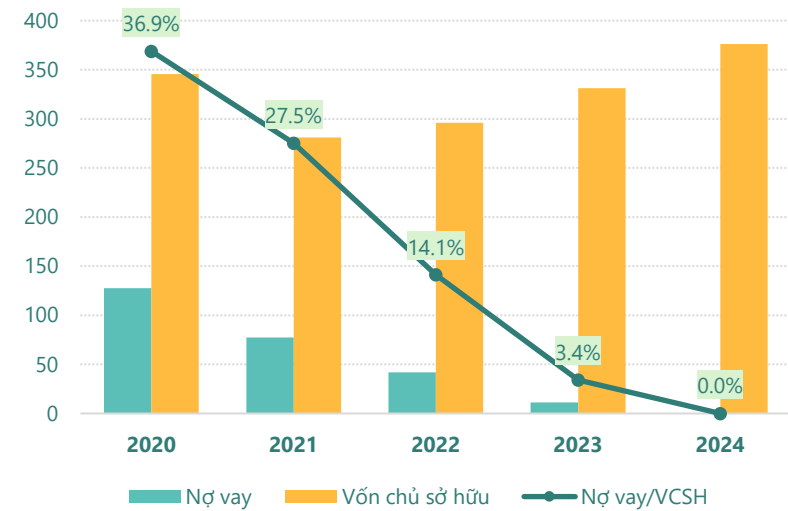
■ Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

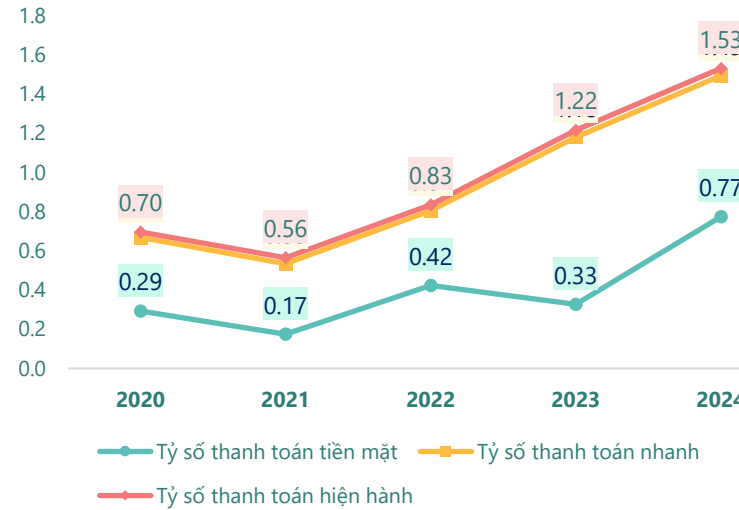
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



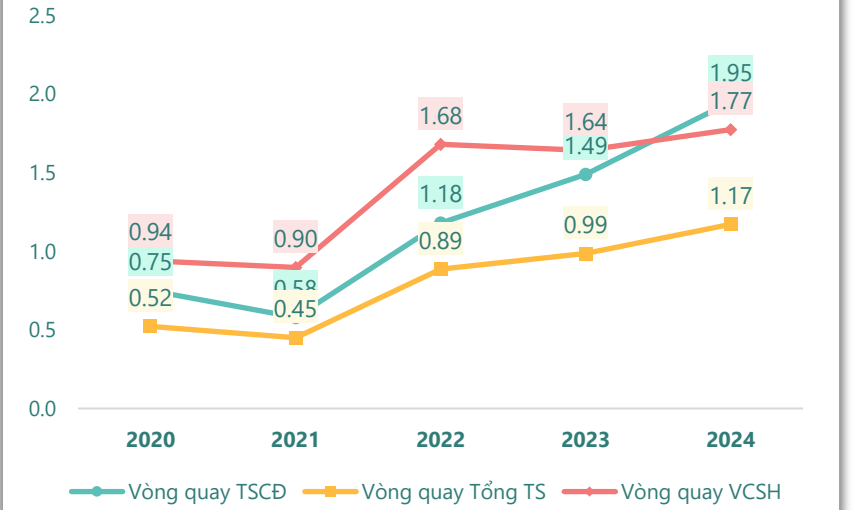
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



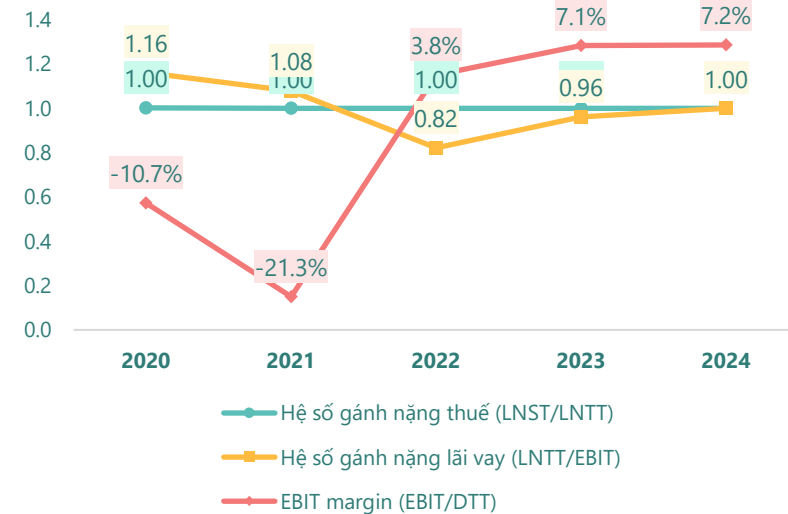
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



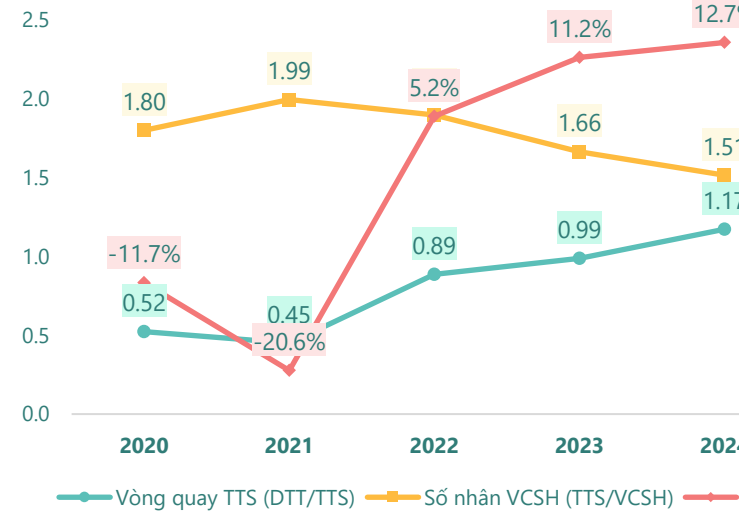
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



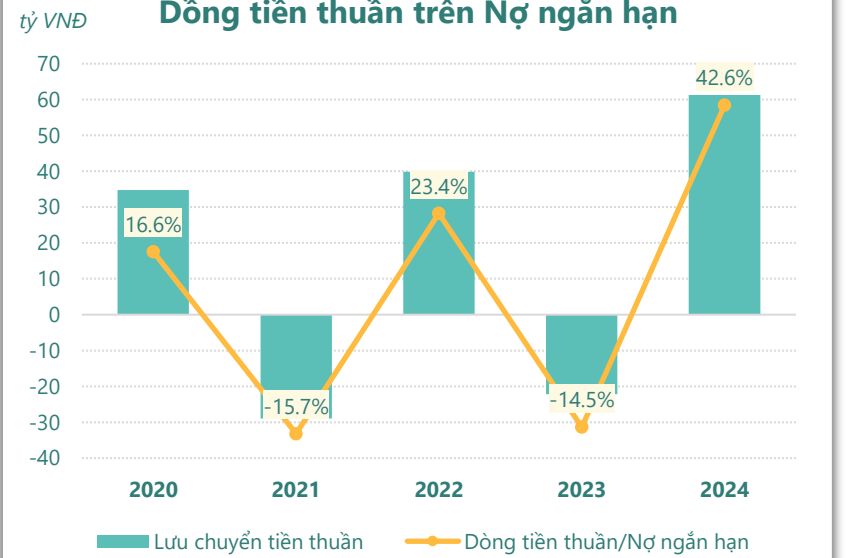
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	110	149	-26.0%	338	467	-27.8%
Giá vốn hàng bán	100	130	-23.1%	299	395	-24.4%
Lợi nhuận gộp	10.3	19.2	-46.5%	38.7	72.2	-46.4%
Doanh thu HĐTC	0.23	0.54	-57.8%	2.16	1.85	16.8%
Chi phí TC	0	0.05	-100%	0	0.20	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.31	0.35	-11.2%	1.01	1.74	-41.9%
Chi phí QLDN	8.28	11.3	-26.7%	29.0	41.6	-30.3%
LN thuần từ HĐKD	1.91	8.11	-76.5%	10.9	30.6	-64.3%
Lợi nhuận khác	0.45	0.11	309%	1.40	0.34	309%
LN trước thuế	2.36	8.22	-71.3%	12.3	30.9	-60.2%
Lợi nhuận sau thuế	2.36	8.22	-71.3%	12.3	30.9	-60.2%
LNST của CĐ cty mẹ	2.36	8.22	-71.3%	12.3	30.9	-60.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.84	51.7	25.9	-7.52	-64.1	81.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.1	-9.69	-7.04	-33.0	18.1	-42.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.55	-0.33	-5.48	0	0	0
Tiền đầu kỳ	32.5	56.2	97.9	111	70.8	24.8
Lưu chuyển tiền thuần	23.7	41.7	13.3	-40.5	-46.0	39.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	56.2	97.9	111	70.8	24.8	64.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	512	557	-8.2%
Tài sản ngắn hạn	196	220	-10.9%
Tiền và tương đương tiền	64.1	111	-42.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.5	20.7	95.4%
Phải thu ngắn hạn	84.3	81.5	3.4%
Hàng tồn kho	5.34	5.44	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.97	1.22	61.1%
Tài sản dài hạn	316	337	-6.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	306	327	-6.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.66	0.66	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.47	10.0	-5.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	124	181	-31.9%
Nợ ngắn hạn	101	144	-30.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	46.9	70.4	-33.3%
Nợ dài hạn	22.9	37.6	-39.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	388	376	3.3%
Vốn chủ sở hữu	388	376	3.3%
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

